TỈNH ỦY ĐẮK NÔNG

Số 443 -BC/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đắk Nông, ngày 27 tháng 7 năm 2018

BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

---

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
CÔNG VĂN ĐẾN
Số 17928 ngày 30 / 7 / 2018

Thực hiện Công văn số 11-CV/BCĐ ngày 22/3/2018 của Ban Chỉ đạo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 về việc tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đắk Nông báo cáo như sau:

Phần thứ nhất
TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

I. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, HỌC TẬP, QUÁN TRIỆT, KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA CẤP ỦY, CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐẢNG VIÊN Ở ĐỊA PHƯƠNG

1. Kết quả tuyên truyền, học tập, quán triệt thực hiện Nghị quyết của cấp ủy, cơ quan, tổ chức, đảng viên ở địa phương

a) Kết quả thực hiện nhiệm vụ thông tin tuyên truyền về ý nghĩa và các nội dung của Nghị quyết

Căn cứ vào các văn bản chỉ đạo của Trung ương về tổ chức học tập, quán triệt triển khai thực hiện Nghị quyết. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp ủy và chính quyền các cấp trong tỉnh triển khai học tập, nghiên cứu quán triệt Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 05/8/2008 của Ban chấp hành Trung ương, khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Sau khi được học tập, tất cả các cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động đều thấy được vai trò và tầm quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường nhằm hướng đến một xã hội "Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh". Các hoạt động tuyên truyền được triển khai rộng rãi thông qua các kênh thông tin đại chúng như: Báo Đắk Nông, Đài Phát thanh - Truyền hình, các tài liệu, sách báo, các băng đĩa phát thanh, phóng sự,... đã góp phần giúp cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các tầng lớp nhân dân nắm bắt, hiểu rõ nội dung tầm quan trọng trong việc thực hiện Nghị quyết.

b) Kết quả tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết tới cán bộ, đảng viên và nhân dân tại địa phương

Các cơ quan, ban, ngành trên địa bàn tỉnh đã chủ động tích cực tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 26 của Trung ương, Chương trình hành động số 35-CTr/TU ngày 8/12/2008 của Tỉnh ủy Đắk Nông; Chương trình hành động số 191/CTr-UBND ngày 23/9/2008 của UBND tỉnh Đắk Nông về thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và triển khai quán triệt Nghị quyết, Chương trình hành động đến cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn[(1)].

Công tác tuyên truyền được các cấp, các ngành và các địa phương quan tâm triển khai thực hiện đi vào chiều sâu, gắn với tổ chức thực hiện phong trào "Đắk Nông chung sức xây dựng nông thôn mới", cuộc vận động "toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" và tuyên truyền các cơ chế, chính sách về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Các cơ quan truyền thông như: Báo Đắk Nông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh và trang website của các cơ quan, đơn vị đã xây dựng các trang, các chuyên mục dành nhiều thời lượng để phổ biến chính sách pháp luật về chương trình nông nghiệp, nông thôn. Tuyên truyền về Chương trình xây dựng nông thôn mới[(2)].

Qua học tập, quán triệt, thông tin, tuyên truyền về vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và các quan điểm, chủ trương thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn đã mang lại những kết quả tích cực, nhận thức của cán bộ, đảng viên đã thay đổi, đặc biệt là nhận thức của nhân dân đã có những chuyển biến rõ rệt. Đối tượng được thụ hưởng chính của Nghị quyết là nông dân nên trong quá trình thực hiện, tỉnh đã lồng ghép có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia, nhất là chương trình MTQG xóa đói giảm nghèo, giáo dục - đào tạo, y tế, giải quyết việc làm, hỗ trợ nhà ở, nước sạch,... Nông dân trên địa bàn tỉnh nhờ thụ hưởng nhiều chính sách nên đã tích cực phát triển kinh tế, đầu tư sản xuất nông nghiệp và đã xuất hiện nhiều mô hình làm ăn kinh tế giỏi; đời sống vật chất và tinh thần của người dân, đặc biệt là ở nông thôn ngày càng được nâng cao. Kinh tế nông thôn của tỉnh

---

(1) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã thực hiện 977 buổi chiếu phim phục vụ cơ sở, thu hút khoảng 156.920 lượt người xem. Sở Thông tin và Truyền thông đã có hàng nghìn tin, bài, ảnh, phóng sự đăng tải, phát sóng trên các phương tiện thông tin đại chúng; Liên minh Hợp tác xã đều lồng ghép triển khai tinh thần của các Nghị quyết trên đến cán bộ, thành viên các Hợp tác xã, đã có 100% cán bộ cơ quan Liên minh Hợp tác xã tỉnh và hơn 10.000 lượt cán bộ quản lý và thành viên các Hợp tác xã được học tập, nghiên cứu và tiếp cận với Nghị quyết Trung ương 7. Sở Khoa học và Công nghệ đã xuất bản 35 tập san khoa học công nghệ; 48 bản tin khoa học công nghệ và phối hợp phát sóng 54 chuyên mục.

(2) Về xây dựng nông thôn mới: đã in ấn và cấp phát trên 120.500 tờ rơi, 1.500 cuốn sổ tay hướng dẫn Bộ tiêu chí giai đoạn 2011-2015; lắp đặt 66 panô tuyên truyền trực quan về Chương trình xây dựng nông thôn mới tại 8 huyện và 61 xã; xây dựng và lắp đặt 220 băng rôn dọc và 47 bảng hiệu panô tuyên truyền tại các huyện, thị xã). Đài phát thanh và truyền hình tỉnh thực hiện chuyên mục "Nông thôn mới" một tháng 02 số, tuần 2 buổi; Năm 2015 đã xây dựng trang thông tin điện tử tuyên truyền về chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới "nongthonmoi.daknong.gov.vn" đi vào hoạt động có hiệu quả; Phôtô 1.586 cuốn Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 tỉnh để cấp phát cho cấp huyện, cấp xã và đã đăng tải được 342 tin bài, 178 video về nông thôn mới trên trang nongthonmoi.daknong.gov.vn,...

chuyển dịch theo hướng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với các hoạt động dịch vụ thu mua chế biến và đa dạng hóa ngành nghề nông thôn.

II. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC THỂ CHẾ HÓA NGHỊ QUYẾT CỦA CÁC CƠ QUAN

Nhìn chung, công tác quán triệt, triển khai, cụ thể hóa Nghị quyết của Trung ương, các văn bản của Chính phủ, bộ, ngành về nông nghiệp, nông dân, nông thôn được các cấp, các ngành trong tỉnh thực hiện nghiêm túc, kịp thời, đồng bộ, ban hành nhiều chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Sau 10 năm thực hiện, Nghị quyết số 26-NQ/TW đã đi vào cuộc sống; hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn được cải thiện rõ rệt; kinh tế nông nghiệp không ngừng phát triển, chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng tập trung, tích tụ đất đai, xây dựng cánh đồng lớn, từng bước hình thành vùng sản xuất tập trung, đào tạo nghề cho lao động nông thôn được đẩy mạnh; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn nông thôn ổn định; vai trò chủ thể của nông dân ngày càng được phát huy,...góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn.

Công tác triển khai, quán triệt Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương, được các cấp uỷ đảng chỉ đạo, thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc; qua đó, tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức đối với cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân về nông nghiệp, nông dân, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới.

Trong quá trình thực hiện Nghị quyết vai trò, vị thế của người nông dân càng được khẳng định; quyền làm chủ về kinh tế, chính trị, văn hóa... của nông dân được phát huy. Đặc biệt trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, nông dân được trực tiếp tham gia góp ý, phản biện quy hoạch, kế hoạch xây dựng nông thôn mới; được bàn bạc lựa chọn nội dung, công việc cần ưu tiên, quyết định hình thức tổ chức thực hiện và mức độ đóng góp; tham gia kiểm tra, giám sát quá trình triển khai. Việc phân bổ kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được quy định rõ ràng, các nội dung, công việc thực hiện xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn cũng đều có sự tham gia của đại diện người dân.

Qua học tập nghị quyết, cấp ủy, cán bộ, đảng viên nâng cao nhận thức, hiểu rõ mục đích, nội dung, tư tưởng chỉ đạo, cơ chế chính sách của Đảng, Nhà nước, của tỉnh về phát triển nông nghiệp, nông thôn, đồng thời xác định rõ trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nội dung của Nghị quyết một cách cụ thể, sát thực tế.

III. NHỮNG CHỦ TRƯƠNG, CHÍNH SÁCH CỦA ĐỊA PHƯƠNG ĐÃ BAN HÀNH *(Biểu 1)*

Trên cơ sở các văn bản của Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND các huyện và thị xã đã ban hành các văn bản, chính sách để triển khai thực hiện như: Chương trình hành động số 35-CTr/TU ngày 8/12/2008 thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương (khoá X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết đến

các cấp uỷ đảng và cán bộ công chức, viên chức trong toàn tỉnh; Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 07/4/2011 về phát triển nông nghiệp công nghệ cao giai đoạn 2010 - 2015, định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 05/5/2016 về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 27/7/2016 về công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020; Chương trình hành động số 191/CTr-UBND ngày 23/9/2008 về thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW; Quyết định số 1823/QĐ-UBND, ngày 16/11/2010 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc thành lập Ban chỉ đạo chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020,…

Phần thứ hai
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về thực hiện tái cơ cấu xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại; phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn

a) Kết quả thực hiện quy hoạch sản xuất nông nghiệp, cơ cấu lại các ngành sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng phát huy các lợi thế so sánh của địa phương (Biểu 2a, 2b)

Nông, lâm nghiệp là ngành đóng vai trò chủ đạo đối với nền kinh tế tỉnh Đắk Nông. Theo thống kê, diện tích đất nông, lâm nghiệp chiếm 91,90% tổng diện tích tự nhiên, trong đó: diện tích đất sản xuất nông nghiệp chiếm 55,23%, đất lâm nghiệp chiếm 36,18%. Năm 2017, tổng sản phẩm toàn ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đạt 7.844 tỷ đồng (theo giá so sánh 2010) chiếm 44,11% cơ cấu kinh tế của tỉnh tăng 4.012 tỷ đồng so với năm 2008. Lương thực bình quân đầu người năm 2008 là 571 kg/người, đến năm 2017 đã đạt 637 kg/người, tăng lên 111,45% so với năm 2008; GRDP bình quân đầu người năm 2017 ước đạt 41,26 triệu đồng/người/năm tăng 29,36 triệu đồng so với năm 2008 (là 11,90 triệu đồng/người/năm). Tốc độ tăng trưởng của ngành nông, lâm nghiệp năm 2017 đạt 5,95%. Bình quân từ năm 2008 đến nay tốc độ tăng trưởng trên 6%.

Chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp: Trồng trọt chiếm tỷ trọng 91,82% năm 2008, đến năm 2017 giảm còn 87,35%; Chăn nuôi từ 6,11% năm 2008 tăng lên 8,69% năm 2017; Thuỷ sản từ 0,57% năm 2008 lên 0,98% năm 2017; Lâm nghiệp năm 2008 chiếm tỷ trọng 0,64%, đến năm 2017 giảm xuống chỉ còn 0,29%; đặc biệt dịch vụ năm 2008 chỉ đạt 0,85% nhưng đến năm 2017 đã tăng lên 2,7%.

Giá trị sản phẩm trồng trọt trên 01 ha canh tác năm 2017 đạt 85,14 triệu đồng tăng 51,07 triệu đồng so với năm 2008 (năm 2008 chỉ đạt 34,07 triệu đồng/ha); Giá trị sản phẩm thủy sản trên 01 ha canh tác năm 2017 đạt 122,44 triệu đồng tăng 78,12 triệu đồng so với năm 2008 (năm 2008 chỉ đạt 44,32 triệu đồng/ha).

b) Kết quả phát triển trồng trọt, hình thành các vùng sản xuất tập trung cây

công nghiệp, cây ăn quả, vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu (Biểu 3a)

Tổng diện tích gieo trồng năm 2017 đạt 321.130 ha, tăng 78.110 ha so với năm 2008. Trong đó:

- Tổng diện tích cây lương thực có hạt (Lúa, ngô) năm 2017 là 76.340 ha tăng 17.030 ha so với năm 2008; sản lượng đạt 474.300 tấn, tăng 151.720 tấn so với năm 2008.

- Tổng diện tích cây công nghiệp[3] năm 2017 là 211.780 ha, tăng 56.610 ha so với năm 2008; sản lượng đạt 379.260 tấn, tăng 36.250 tấn so với năm 2008.

- Tổng diện tích một số cây ăn quả (cam, quýt, chuối, xoài, vải, chôm chôm, nhãn) năm 2017 là 1.040 ha, sản lượng là 5.830 tấn, giảm 240 ha và giảm 3.410 tấn so với năm 2008.

c) Kết quả phát triển chăn nuôi (Biểu 3b): Tổng đàn trâu đạt 5.729, giảm 1.728 con so với năm 2008. Nguyên nhân đàn trâu giảm do hiện nay việc đầu tư chăn nuôi trâu không mang lại hiệu quả cao như các vật nuôi khác. Tổng đàn bò đạt 33.822 con, tăng 8.239 con so với năm 2008. Thị trường bò thịt phát triển ổn định, chăn nuôi bò nhất là giống bò lai thực sự mang lại hiệu quả kinh tế. Đồng thời, việc thực hiện dự án cải tạo nâng cao chất lượng giống bò thịt tại các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh đã thu hút các hộ chăn nuôi tăng lên qua các năm. Tổng đàn lợn đạt 171.133 con, tăng 43.722 con so với năm 2008. Hiện nay chăn nuôi lợn (đặc biệt là chăn nuôi lợn theo mô hình trang trại) tăng mạnh. Tổng đàn gia cầm đạt 2.060.450 con, tăng 847.000 con so với năm 2008. Tình hình chăn nuôi gia cầm trên địa bàn tỉnh phát triển tốt.

d) Về nuôi trồng thuỷ sản (Biểu 3d): Năm 2017, tổng diện tích nuôi trồng thủy sản là 1.430 ha; tổng sản lượng thủy sản đạt 4.900 tấn (trong đó, sản lượng từ nuôi trồng đạt 4.200 tấn, từ khai thác 700 tấn), tăng 520 ha và 2.940 tấn so với năm 2008. Tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2008 - 2017 là 5,34%.

đ) Kết quả thực hiện chủ trương bảo vệ rừng (Biểu 3c): Công tác trồng, chăm sóc, bảo vệ và phát triển rừng đã có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần giải quyết việc làm cho người lao động. Cụ thể: Từ năm 2008 đến năm 2017, trồng rừng tập trung được 16.320 ha (trong đó: trồng rừng sản xuất là 15.020 ha; trồng rừng phòng hộ, đặc dụng là 1.300 ha); Chăm sóc rừng trồng được 50.830 ha; Khoán bảo vệ rừng được 330.020 ha. Nâng mức tỷ lệ che phủ rừng năm 2017 lên 39,42%. Nhiều điểm nóng về phá rừng được phát hiện, xử lý kịp thời; một số địa phương, đơn vị chủ rừng đã chủ động, quyết liệt thực hiện tốt công tác bảo vệ rừng thuộc phạm vi quản lý, qua đó góp phần duy trì, bảo vệ vốn rừng hiện có; tình

---

[3] Diện tích một số cây trồng hàng năm chủ yếu (Lạc, Đậu tương, Mía, Bông) năm 2017 là 9.860 ha, sản lượng đạt 30.880 tấn, giảm 14.560 ha và giảm 42.460 tấn so với năm 2008; Diện tích một số cây lâu năm (Cà phê, chè, cao su, hồ tiêu, dừa, điều) năm 2017 là 201.920 ha và sản lượng đạt 348.370 tấn, tăng 71.170 ha và 78.710 tấn so với năm 2008. Diện tích cà phê năm 2017 (127.450 ha) đã tăng 43.020 ha so với năm 2008 (84.430 ha), đồng thời sản lượng tăng từ 20,18 tạ/ha lên 23,76 tạ/ha tăng 17,74% so với năm 2008, diện tích vượt gấp đôi so với quy hoạch của tỉnh Đắk Nông. Tính đến hết năm 2017, tổng diện tích hồ tiêu đạt 32.900 ha, tăng 26.210 ha so với năm 2008, năng suất bình quân tăng 7,1 % so với năm 2008.

trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng, khai thác, mua bán, vận chuyển, cất giữ lâm sản, động vật rừng trái phép trên địa bàn tỉnh cơ bản được kiểm soát; công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đã chuyển hướng từ lâm nghiệp truyền thống sang phát triển lâm nghiệp xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động, góp phần xóa đói, giảm nghèo, tăng trưởng kinh tế và giữ vai trò lớn trong phòng hộ, bảo vệ môi trường sinh thái; ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất chế biến lâm sản.

e) Kết quả phát triển công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn (Biểu 7c): Năm 2008 toàn tỉnh có 1.984 cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn, đến cuối năm 2017 toàn tỉnh có khoảng 2.847 cơ sở (tăng 863 cơ sở so với năm 2008), giải quyết việc làm cho khoảng 24.410 lao động; Tổng giá trị sản xuất công nghiệp trong giai đoạn 2008-2017 đạt 44.640 tỷ đồng, tăng gần 3 lần so với giai đoạn 5 năm (giai doạn 2008-2012 đạt 15.123 tỷ đồng) và tăng trưởng đều qua các năm, giá trị sản xuất công nghiệp năm 2017 đạt 8.666 tỷ đồng tăng 6.920 tỷ đồng so với năm 2008 là 1.746 tỷ đồng. Hiện nay trên địa bàn tỉnh, 53/61 xã có cơ sở chế biến nông sản (390 cơ sở chuyên chế biến nông sản); 40/61 xã có cơ chế biến lâm sản (132 cơ sở chuyên chế biến lâm sản). Phần lớn các cơ sở chuyên chế biến nông, lâm sản trên địa bàn tỉnh, chủ yếu là chế biến thô nên hiệu quả kinh tế chưa cao.

2. Kết quả thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới gắn với xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn và đô thị hóa *(Biểu 4a)*

Sau 07 năm (từ năm 2011-2017) tích cực triển khai thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới thì bình quân chung toàn tỉnh đã đạt 11,84 tiêu chí/xã tăng 8,74 tiêu chí/xã so với năm 2011[4]. Trong 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết, đến nay kết cấu hạ tầng có bước phát triển khá, bộ mặt nông thôn có nhiều khởi sắc, hệ thống giao thông nông thôn, trường học, chợ, trạm y tế, kênh mương, cầu cống, nước sinh hoạt, nhà văn hoá cộng đồng và các công trình thủy lợi đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của nhân dân, cụ thể:

- Về hạ tầng giao thông: Có 20/61 xã đạt tiêu chí giao thông chiếm 32,79%. Từ năm 2008 - 2017 toàn tỉnh nhựa hóa và đầu tư xây dựng mới được 1.736 km đường nhựa, nâng tỷ lệ nhựa hóa đường toàn tỉnh từ 29% lên 59%[5].

---

[4] Đến nay đã có 10/61 xã đạt chuẩn nông thôn mới chiếm 16,39%; số xã đạt từ 15-18 tiêu chí có 03 xã chiếm 4,92%; số xã đạt từ 10-14 tiêu chí có 32 xã 52,46%; số xã đạt từ 5-9 tiêu chí có 16 xã chiếm 26,3% và không còn xã nào đạt dưới 5 tiêu chí. Đến hết năm 2017 toàn tỉnh có 20/61 xã đạt tiêu chí số 2 về giao thông, đạt 32,8% và tăng 20 xã so với năm 2011; có 47/61 xã đạt tiêu chí số 3 về thủy lợi, đạt 77% và tăng 39 xã so với năm 2011; có 41/61 xã đạt tiêu chí số 4 về điện, đạt 67,2% và tăng 33 xã so với năm 2011; có 20/61 xã đạt tiêu chí số 5 về trường học, đạt 32,8% và tăng 19 xã so với năm 2011; có 20/61 xã đạt tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa, đạt 33% và tăng 20 xã so với năm 2011; có 49/61 xã đạt tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, đạt 80,3% và tăng 45 xã so với năm 2011; có 54/61 xã đạt tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông, đạt 88,5% và tăng 39 xã so với năm 2011; có 26/61 xã đạt tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư, đạt 42,6% và tăng 26 xã so với năm 2011.

[5] Quốc lộ: đầu tư xây dựng mới và nhựa hóa được 228 km, nâng tỷ lệ nhựa hóa Quốc lộ từ 73% năm 2007 lên 76% vào năm 2010, lên 91% vào năm 2017; Tỉnh lộ: Xây dựng hoàn thành các tuyến Tỉnh lộ 3, Tỉnh lộ 5, Tỉnh lộ 6. Nhựa hóa được 76 km đường Tỉnh lộ, nâng tỷ lệ nhựa hóa đường tỉnh từ 48% năm 2008 lên 99% năm 2015, đến nay đã nhựa hóa trên toàn tỉnh. Huyện lộ: Đầu tư xây dựng đường huyện trên địa bàn toàn tỉnh. Nhựa hóa và bê tông hóa được 184 km đường huyện, nâng tỷ lệ nhựa hóa, bê tông hóa đường huyện từ 45% năm 2008 lên 88% vào năm 2017. Đường xã, thôn, buôn, bon: Xây dựng mới đường đến trung tâm các xã, các tuyến đường liên xã, liên thôn thiết yếu. Nhựa hóa được 1.063 km đường, nâng tỷ lệ nhựa hóa, bê tông hóa từ 14% năm 2008 lên 46% vào năm 2017. Có 107 buôn, bon được làm đường nhựa, nâng số buôn, bon có từ 1-2 km đường nhựa vào năm 2010 đạt 50% và đến hết năm 2015 đạt 100%.

- Về thủy lợi: Trên địa bàn tỉnh có 257 công trình thủy lợi; trong đó có 221 hồ chứa, 25 đập dâng, 5 hệ thống trạm bơm, 8 hệ thống kênh tưới tiêu úng và 01 công trình chuyển nước với tổng số hơn 170 km kênh tưới và 17 km kênh tiêu. Tổng diện tích được cung ứng dịch vụ tưới nước, tiêu nước, cấp nước là: 41.912,87 ha, đáp ứng được 75% nhu cầu tưới, dự kiến đến năm 2020 đạt 80%. Giai đoạn 2008 - 2018 đầu tư xây dựng, nâng cấp sửa chữa được 166 công trình, với tổng vốn đầu tư 2.254 tỷ đồng (Trong đó: xây dựng mới 68 công trình, nâng cấp được 98 công trình). Đang thực hiện đầu tư 08 dự án với tổng vốn đầu tư 2.670 tỷ đồng, cung cấp cho 3.906 ha đất sản xuất nông nghiệp. Hiện nay, có 47/61 xã đạt tiêu chí này, chiếm77,05%.

- Về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Tổng số công trình cấp nước tập trung đã được đầu tư xây dựng trên địa bàn toàn tỉnh là 236 công trình với công suất thiết kế cấp nước cho khoảng 22.780 hộ tương đương 113.900 khẩu. Tỷ lệ hộ nông thôn được cấp nước hợp vệ sinh từ 68% năm 2008 đến cuối năm 2017 đã đạt 87% và đến 6 tháng đầu năm 2018 đạt khoảng 87%. Tỷ lệ người dân nông thôn được tiếp cận với nguồn nước sạch hợp vệ sinh được tăng dần theo từng năm.

- Về Điện: Đến hết năm 2017, có 41/61 xã đạt tiêu chí, chiếm 67,21%. Lưới điện trên địa bàn tỉnh có khoảng 1.705 km đường dây trung áp; 1.953 km đường dây hạ áp; 1.778 trạm biến áp với tổng dung lương là 305.639 kVA; có 39/61 xã đạt tiêu chí số 4 về điện nông thôn, chiếm tỷ lệ 63,9%; tỷ lệ số thôn, buôn có điện đạt 99%, tỷ lệ số hộ sử dụng điện thường xuyên, đảm bảo chất lượng điện đạt 97%.

- Về chợ nông thôn: Đến nay, trên địa bàn tỉnh Đắk Nông có 45 chợ đang hoạt động được phân bố trên 41 xã, phường và thị trấn (còn lại 30 xã, phường chưa có chợ); trong đó, có 37 chợ nông thôn, phân bổ trên 34 xã. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2008-2017 đạt 54.824 tỷ đồng, tăng 105% so với giai đoạn 5 năm (giai doạn 2008-2012 đạt 26.729 tỷ đồng) và tăng trưởng đều qua các năm. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2017 đạt 12.275 tỷ đồng tăng 9.229 tỷ đồng so với năm 2008 (3.046 tỷ đồng). Giai đoạn 2010-2017, cùng với nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương, nguồn vốn địa phương, ngành Công Thương đã phối hợp với các Sở, ngành, địa phương huy động các nguồn lực, xã hội hóa đầu tư xây dựng mới 12 chợ và sửa chữa 4 chợ huyện, chợ xã.

- Về mạng lưới thông tin, văn hóa: Mạng lưới thông tin, văn hóa phát triển nhanh, góp phần cải thiện đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân. Tỷ lệ xã có điểm bưu điện văn hóa xã kết nối internet năm 2017 khoảng 47,62% (năm 2011 là 37,71%). Số điểm internet tư nhân phục vụ nhu cầu truy cập thông tin trên mạng của nhân dân được nâng lên rất mạnh, năm 2016 có 280 điểm tăng 164,15% so với năm 2011 (có 106 điểm).

3. Về xóa đói giảm nghèo, phát triển y tế, giáo dục, văn hóa xã hội nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn

- Về xóa đói giảm nghèo *(Biểu 4b, 4b1, 4b2)*: Theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2017, tổng số hộ nghèo toàn tỉnh Đắk Nông là 25.144 hộ với

112.150 khẩu, chiếm tỷ lệ 16,57% trên tổng số hộ toàn tỉnh, giảm khoảng 22,76% so với năm 2008[6]. Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết, công tác xóa đói, giảm nghèo thu được nhiều kết quả, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, bình quân hằng năm giảm trên 2%.

- Về y tế *(Biểu 4d)*: Đến nay 71/71 xã phường có trạm y tế; tổng số cán bộ y tế là 1.927 người (30 cán bộ/vạn dân); toàn tỉnh có 426 bác sỹ (6,7 bác sỹ/vạn dân) trong đó tất cả các trạm y tế đều có bác sỹ. Tính đến năm 2017, tổng số giường bệnh là 1.110 giường, công suất sử dụng đạt 84,8%, tổng số lượt khám chữa bệnh từ 2008 đến nay là 3.268.667 lượt. Trong 10 năm qua mạng lưới y tế cơ sở tiếp tục được củng cố và đổi mới góp phần giảm tải cho tuyến trên. Công tác khám chữa bệnh ngày càng được nâng cao, chất lượng điều trị và dịch vụ y tế được cải thiện. Công tác phòng, chống dịch bệnh được triển khai tích cực, kịp thời. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế ngày càng cao, đến cuối năm 2017 đạt trên 83%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng ngày càng giảm, đến năm 2017 chỉ chiếm còn 21%; tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về Y tế ngày càng tăng, đến hết năm 2017 có 44 xã, phường đạt chuẩn y tế, đạt 61%.

- Về giáo dục *(Biểu 4d)*: Đến hết năm 2017, toàn tỉnh Đắk Nông có 379 trường từ bậc mầm non đến trung học phổ thông[7]. Tổng số học sinh từ bậc mầm non đến phổ thông là 162.354 em. Số trường công nhận đạt chuẩn Quốc gia về cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học là 107/379 trường, chiếm 28,13%[8]. Kết quả phổ cập giáo dục: Tỷ lệ huy động trẻ đến trường 2.351 em đạt 10,8%; trẻ từ 3-5 tuổi là 35.686 đạt 84,7%, tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt trên 99%, tỷ lệ phổ cập giáo dục trung học cơ sở đạt 100%, có 71/71 xã, phường, thị trấn được công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ chiếm tỷ lệ 100%. Trong thời gian qua công tác phát triển giáo dục tiếp tục được chú trọng đầu tư phát triển về quy mô, nâng cao chất lượng giáo dục; từng bước xây dựng đạt chuẩn tiêu chí số 14 về giáo dục và đào tạo trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, đến nay toàn tỉnh đã có 61/61 xã đạt tiêu chí số 14 về giáo dục và đào tạo, đạt 100% và tăng 58 xã so với năm 2011.

- Về văn hóa xã hội *(Biểu 4d)*[9]: Đời sống văn hoá nhân dân ngày càng khởi sắc, hộ nghèo giảm, cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp, tình làng nghĩa xóm

---

[6] Giai đoạn 2008 – 2010: Tỷ lệ hộ nghèo từ 15,70% năm 2008 giảm xuống 11,07% năm 2010 (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2006 – 2010 của Quyết định số 170/2005/QĐ-TTg); Giai đoạn 2011 – 2015: Tỷ lệ hộ nghèo từ 29,25% năm 2011 giảm xuống 13,75% năm 2015 (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 – 2015 của Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg); Giai đoạn 2016 – 2020: Tỷ lệ hộ nghèo từ 19,20% năm 2016 giảm xuống 16,57% năm 2017 (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016 – 2020 của Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg).

[7] Mầm non 119 trường (1.249 lớp); tiểu học 146 trường (2.402 lớp); trung học cơ sở 82 trường (1.187 lớp) và trung học phổ thông 32 trường (521 lớp)

[8] 22/119 trường mầm non, 47/146 trường tiểu học, 28/82 trường trung học cơ sở, 10/32 trường trung học phổ thông

[9] Toàn tỉnh có 565/789 Nhà văn hóa, Hội trường thôn, có 21/71 xã, phường, thị trấn có Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, 06/08 huyện, thị xã có sân khấu ngoài trời, có 94 sân Bóng đá Mini cỏ nhân tạo; 38 sân quần vợt; có khoảng 230 sân bóng chuyền; sân Cầu lông có khoảng 65 sân; 05 sân bóng rổ; 12 bể bơi. Năm 2008 toàn tỉnh có 1/71 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn văn hóa (chưa có xã nào đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới) thì đến năm 2017, toàn tỉnh có 21/71 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn văn hóa (trong đó có 05 phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị, 14 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới và 02 xã văn hóa) đạt 29,58%. Số người tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên năm 2008 là 16,8%, đến năm 2017 là 25% (tăng 8,2%); số gia đình luyện tập thể dục, thể

được phát huy, các hoạt động thể dục thể thao được quan tâm đã tác động sâu sắc đến tư tưởng, tâm lý, thói quen trong mọi tầng lớp nhân dân, khắc phục những biểu hiện tiêu cực, lạc hậu, góp phần hình thành nếp sống văn hóa, văn minh. Hiện nay, có 46/61 xã đạt tiêu chí về văn hóa chiếm 75,41%.

- Về tình hình sắp xếp, ổn định bố trí dân di cư tự do: Từ năm 2008 đến hết năm 2017, tổng số dân di cư tự do trên địa bàn tỉnh Đắk Nông là 3.644 hộ/15.116 khẩu, trong đó số hộ đã ổn định đời sống là 322 hộ (bao gồm số hộ tự ổn định tại chỗ; số hộ được bố trí, sắp xếp vào các dự án tập trung, dự án xen ghép); số hộ chưa được bố trí, sắp xếp ổn định là 3.322 hộ. Giúp người dân nhanh chóng ổn định cuộc sống, phát triển sản xuất và được hưởng các phúc lợi xã hội.

- Về Quốc phòng, an ninh *(Biểu 4d)*: Công tác quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội, đoàn kết các dân tộc trên địa bàn vùng nông thôn những năm qua cơ bản ổn định và giữ vững. Lực lượng vũ trang của tỉnh đã thực hiện tốt công tác tham mưu, tăng cường công tác quản lý nhà nước về quốc phòng - an ninh, chủ động nắm bắt diễn biến tình hình không để bị động bất ngờ, chống lợi dụng dân tộc, tôn giáo, tuyên truyền xuyên tạc của các thế lực thù địch, đặc biệt là ở các địa bàn trọng điểm, địa bàn biên giới. Thường xuyên đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, công chức và nhân dân trong tỉnh nâng cao nhận thức về quốc phòng, an ninh. Hàng năm đã cử 20.500 lượt cán bộ, chiến sỹ về cơ sở làm công tác vận động quần chúng, xây dựng tình đoàn kết quân dân, thực hiện tốt chương trình Quân đội chung sức xây dựng nông thôn mới. Đến nay có 45/61 xã đạt tiêu chí số 19 về quốc phòng - an ninh[10] chiếm 73,77%.

4. Về đổi mới và xây dựng các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ có hiệu quả ở nông thôn

a) Trên địa bàn tỉnh hiện có 118 hợp tác xã *(Biểu 4c)* đang hoạt động trên mọi lĩnh vực, giảm 01 Hợp tác xã so với năm 2008[11]; 262 tổ hợp tác, giảm 228 tổ so với 2008 (trong đó có 229 Tổ hợp tác nông nghiệp chiếm 87,4%); có 1.215 trang trại[12] giảm 3.377 trang trại so với 2008 (nguyên nhân do thay đổi tiêu chí đánh giá). Nhiều hợp tác xã, tổ hợp tác đã ký hợp đồng với các đối tác tiêu thụ sản phẩm cho thành viên như: Hợp tác xã Nông nghiệp Công bằng Thuận An, huyện Đắk Mil tổ chức các dịch vụ đầu vào, đầu ra cho sản phẩm cà phê và hồ tiêu; Hợp

---

thao năm 2008 là 7,5%, đến năm 2017 là 14,2% (tăng 6,7%). Năm 2008 toàn tỉnh có 64.470/96.514 hộ gia đình văn hóa, đến hết năm 2017 số gia đình văn hóa tăng lên 108.779/139.895 (đạt 77,76%) tăng 44.309 hộ so với năm 2008. Năm 2008 có 589/726 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp văn hóa, đến hết năm 2017 có 835/935 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp văn hóa, đạt 89,30%, tăng 246 cơ quan, đơn vị văn hóa so với năm 2008.

[10] Từ năm 2008 đến nay, trên địa bàn tỉnh có 145 vụ, 6.138 lượt người liên quan đến tranh chấp, khiếu kiện (chủ yếu về đất đai, cưỡng chế giải tỏa,...), đã giải quyết ổn định 136/145 vụ tranh chấp, khiếu kiện. Công an tỉnh đã triệt phá 437 băng nhóm tội phạm, 2.158 đối tượng; phát hiện 632 trường hợp vi phạm pháp luật về môi trường, xử lý hành chính 550 trường hợp vi phạm kinh doanh hàng hóa nhập lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng; phát hiện, xử lý 844 vụ, 1.422 đối tượng vi phạm các quy định về quản lý, bảo vệ rừng, khởi tố 307 vụ, 729 bị can, xử lý vi phạm hành chính 1.032 trường hợp, phát hiện khởi tố 43 vụ, 48 bị can vi phạm các quy định về quản lý kinh tế, tham nhũng, thiệt hại hơn 1,6 tỷ đồng.

[11] Thành lập mới được 122 Hợp tác xã (trong đó có 82 Hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp chiếm 69,49%), ngưng hoạt động, giải thể, chuyển đổi sang loại hình doanh nghiệp là 123 Hợp tác xã.

[12] Trang trại trồng trọt 1130, chăn nuôi 77, thủy sản 6, tổng hợp 2.

tác xã Đồng Tiến, huyện Đắk R'Lấp liên kết chăn nuôi heo tập trung theo công nghệ hiện đại; Hợp tác xã Thuận Phát, huyện Đắk Song tổ chức dịch vụ đầu vào và đầu ra cho sản phẩm hồ tiêu,…

b) Kết quả đổi mới, sắp xếp các công ty nông, lâm nghiệp

Đổi mới, sắp xếp 16 công ty nông, lâm nghiệp: cơ bản hoàn thành công tác giải thể 06 công ty lâm nghiệp hoạt động không hiệu quả[13], cổ phần hóa 03 công ty[14], duy trì sắp xếp đổi mới 06 công ty[15], chuyển 01 công ty thành Ban quản lý rừng phòng hộ[16]. Nhìn chung sau khi chuyển đổi, sắp xếp, đổi mới các đơn vị chủ động sản xuất kinh doanh, mở rộng ngành nghề như: kinh doanh vật tư, phân bón, xây dựng xưởng chế biến gỗ để tận dụng nguồn nguyên liệu sẵn có, lập dự án trồng rừng nguyên liệu, trồng cao su, sản xuất giống cây trồng. Một số đơn vị đã mạnh dạn vay vốn, đầu tư dây chuyền máy móc hiện đại để sản xuất kinh doanh. Đời sống của người lao động được cải thiện đáng kể.

c) Kết quả khuyến khích đầu tư tư nhân, doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn

Tính từ đầu năm 2008 đến 5/2018, tỉnh Đắk Nông có 199 doanh nghiệp ngành nghề nông nghiệp đăng ký thành lập mới, chiếm 5,2% trong tổng số 3.827 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trên địa bàn tỉnh; cụ thể: Trong 5 năm, giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến 24/5/2018 có 129 doanh nghiệp ngành nghề nông nghiệp đăng ký thành lập mới, chiếm 6,17% trong tổng số 2.091 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trên địa bàn tỉnh; tăng 84,29% so với thời điểm từ ngày 01/01/2008 đến ngày 31/12/2012 (70 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới).

Tình hình doanh nghiệp đang hoạt động ngành nghề nông nghiệp: có 122 doanh nghiệp ngành nghề nông nghiệp đang hoạt động, chiếm 4,71% trong tổng số 2.844 doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh, tăng 157,69% so với thời điểm 01/01/2013 (52 doanh nghiệp đang hoạt động); được phân chia theo các lĩnh vực sau: trồng trọt 35 doanh nghiệp; chăn nuôi 07 doanh nghiệp; lâm nghiệp 40 doanh nghiệp; chế biến 40 doanh nghiệp.

5. Về phát triển nhanh nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, tạo đột phá để hiện đại hóa nông nghiệp, công nghiệp hóa nông thôn

a) Kết quả chủ yếu đã đạt được trong nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ vào nông nghiệp

Trong 10 năm qua, tổng cộng có 48 nhiệm vụ khoa học tự nhiên và công nghệ chủ yếu hướng đến hoạt động nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực phục vụ

---

[13] Các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp: Gia Nghĩa, Thuận Tân, Quảng Đức, Quảng Tín, Trường Xuân và Đức Lập.

[14] Công ty Cà phê Đức Lập, Công ty TNHH MTV cà phê Thuận An, Nam Nung

[15] Các công ty TNHH MTV: Đại Thành, Đắk Wil, Nam Tây Nguyên, Đắk N'tao, Đức Hòa và Quảng Sơn

[16] Chuyển thành Ban quản lý rừng phòng hộ hoạt động theo đơn vị sự nghiệp công lập có thu đối với Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Măng

phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân được triển khai, gồm: 01 nhiệm vụ cấp Nhà nước, 09 nhiệm vụ cấp Bộ và 38 nhiệm vụ cấp tỉnh, đã có nhiều đề tài, dự án được ứng dụng và đạt kết quả tốt như: Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình thâm canh lúa lai và ngô lai phù hợp với đồng bào dân tộc thiểu số, ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình sản xuất giống, trồng thương phẩm và tiêu thụ gấc lai bền vững, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình nuôi ong mật và sơ chế sản phẩm theo hướng sản xuất hàng hóa, đánh giá tình hình sinh trưởng, phát triển của cây Mắc ca và đề xuất quy hoạch phát triển cây Mắc ca,...

b) Chuyển giao ứng dụng khoa học

Từ năm 2012 đến 2017, Sở Nông nghiệp và PTNT đã thực hiện hỗ trợ cho 18 cơ sở áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) vào sản xuất, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cho 227 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản thuộc cấp tỉnh quản lý[17].

c) Kết quả thực hiện chương trình đưa cơ giới hóa vào nông nghiệp; xây dựng vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao

Sản xuất nông nghiệp trong những năm gần đây đã được cơ giới hóa, nhiều phương tiện máy móc đã được đưa vào hỗ trợ sản xuất như: sử dụng máy cho việc phun thuốc bảo vệ thực vật, khoan hố trồng cây, sử dụng máy gặt đập liên hoàn cho việc thu hoạch lúa, máy bóc tách hạt ngô, đậu,...; sử dụng các loại máy kéo cho việc vận chuyển các sản phẩm cây trồng, sử dụng máy phát cỏ và cày đất[18].

d) Kết quả đào tạo nghề gắn với tạo việc làm cho lao động nông nghiệp, nông thôn (thực hiện Chương trình MTQG đào tạo nghề cho lao động nông thôn)

Giai đoạn 2008 - 2017 toàn tỉnh Đắk Nông đã đào tạo được 46.085 người, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề tăng từ 14,7% (năm 2008) đến 30,5% (năm 2017). Số lao động được giải quyết việc làm trong 10 năm từ 2008 đến 2017 là 172.982 người, trong đó: lao động nông thôn chiếm trên 60%. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị đã có nhiều giải pháp tích cực nên duy trì được ở mức 1,15%, không có lao động ở nông thôn bị thất nghiệp. Tỷ trọng lao động trong ngành công nghiệp - xây dựng tăng khoảng 5% mỗi năm; Thương mại - dịch vụ tăng từ 9-10% trên

---

[17] Trong lĩnh vực trồng trọt, nhiều giống cây trồng mới đã nghiên cứu thử nghiệm và ứng dụng rộng rãi ở địa phương như: cây mắc ca ghép, ca cao lai F1 nhập từ Malaysia, xây dựng mô hình cà phê sản xuất theo tiêu chuẩn 4C, UTZ,... sản xuất hồ tiêu theo tiêu chuẩn VietGap; giống sầu riêng, bơ có triển vọng; sử dụng các giống ngô lai LVN61, lúa lai HYT108, TH3-3, lúa thuần thơm RVT để tạo ra giống cây trồng sạch bệnh, năng suất đạt hiệu quả. Có 3.283 mô hình trồng trọt, chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao. Đã thực hiện chuyển giao các giống lúa năng suất chất lượng cao như lúa lai TH 3-3, lúa thuần thơm RVT, AC5 gắn với việc xây dựng "cánh đồng lớn" tại huyện Krông Nô, năng suất bình quân tăng từ 1-1,5 tấn/ha so với diện tích lúa sản xuất bình thường. Hiện nay trong chăn nuôi áp dụng hiệu quả các giống cao sản, năng suất, chất lượng cao, như giống bò lai Brahman; giống heo lai 3 máu và các giống gia cầm hướng thịt, trứng. Các trang trại, gia trại cơ bản đều áp dụng công nghệ sinh học ủ men làm phân bón cho cây trồng và công nghệ khí sinh học (BIOGAS) để xử lý chất thải.

[18] Tỷ lệ cơ giới hóa ở khâu làm đất: Đối với cây lúa đạt 92%, ngô đạt 70%, sắn đạt 80%, vùng rau chuyên canh đạt 90%. Tỷ lệ cơ giới hóa ở khâu gieo, trồng: Đối với lúa gieo bằng công cụ xạ hàng và cấy đạt 30%, cao su trồng bằng máy đạt 70%. Tỷ lệ cơ giới hóa ở khâu chăm sóc: Phun thuốc bảo vệ thực vật cho lúa đạt 60%, xới cỏ, phun thuốc bảo vệ thực vật cho chè, mía đạt khoảng 70%, cà phê đã ứng dụng một số loại máy thu hoạch có năng suất 1,2 -2 tấn/ngày.

năm; Nông, lâm nghiệp giảm xuống khoảng 3% trên năm.

đ) Kết quả tăng cường năng lực hệ thống khuyến công, khuyến nông, thú y, bảo vệ thực vật và các dịch vụ sản xuất nông nghiệp

- Công tác khuyến công[19]: Chương trình khuyến công đã kịp thời khuyến khích, hỗ trợ cho các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn nâng cao năng lực quản lý, hợp lý hóa và mở rộng quy mô sản xuất, đổi mới và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, hỗ trợ tìm kiếm, mở rộng thị trường, nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm, gia tăng sức cạnh tranh, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, giúp cơ sở công nghiệp nông thôn phát triển bền vững và từng bước tham gia hội nhập kinh tế quốc tế, tạo sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.

- Công tác khuyến nông[20]: đã tổ chức được 258 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ khuyến nông từ cấp tỉnh, huyện, khuyến nông viên xã và các cộng tác viên khuyến nông thôn/bon với tổng số người tham gia là 6.290 người. Tổ chức được 1.837 lớp tập huấn kỹ thuật cho bà con nông dân, tổng số người tham gia tập huấn là 70.506 người, trong đó nữ 25.107 người chiếm 35,6% và dân tộc 29.127 người chiếm 41,3%.

- Công tác Thú y: Tập huấn chuyển giao kỹ thuật chăn nuôi bò và chế biến thức ăn thuộc Dự án cải tiến, nâng cao chất lượng lượng giống bò thịt trên địa bàn tỉnh: gồm 59 lớp tập huấn chuyển giao kỹ thuật chăn nuôi bò và chế biến thức ăn với số lượng 3.313 người tham gia tập huấn. Tập huấn Dự án giống lợn giai đoạn 2011-2015 và Dự án heo Đan mạch với 03 lớp, số lượng 65 học viên, trong đó 15 học viên tham gia lớp Dự án giống lợn giai đoạn 2011-2015 và 50 học viên tham gia lớp Dự án heo Đan Mạch.

- Công tác bảo vệ thực vật: Từ năm 2008 - 2017 Sở Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức được 157 lớp tập huấn IPM và ICM cho 4.874 học viên, tổ chức 217 lớp học ngắn hạn cho 15.291 học viên.

- Công tác Quản lý chất lượng: Sở Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức 22 lớp tập huấn kiến thức về sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh an toàn cho các đối tượng là cán bộ quản lý, người sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh với 798 người tham gia.

6. Về đổi mới mạnh mẽ cơ chế, chính sách để huy động cao các nguồn lực, phát triển nhanh kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân

---

[19] Từ năm 2008 đến năm 2017, Trung tâm khuyến Công và tư vấn phát triển công nghiệp tỉnh đã triển khai thực hiện 121 đề án, tổng kinh phí 105.528,024 triệu đồng, trong đó kinh phí khuyến công hỗ trợ 11.227,817 triệu đồng (kinh phí khuyến công quốc gia hỗ trợ 4.718 triệu đồng, kinh phí khuyến công địa phương hỗ trợ 6.509,817 triệu đồng), kinh phí tự đầu tư của các cơ sở công nghiệp nông thôn là 94.300,207 triệu đồng.

[20] Sở Nông nghiệp và PTNT đã in ấn và cấp phát được 210.000 tờ bướm kỹ thuật phục vụ công tác chuyên môn; 40.000 quyển Tập san, 3.350 cuốn sách Mô hình sản xuất nông nghiệp đạt hiệu quả kinh tế cao và 8.740 cuốn nông lịch phục vụ bà con nông dân trên địa bàn toàn tỉnh về lịch thời vụ gieo trồng, thả giống, phòng trừ sâu bệnh trên cây trồng, phòng bệnh cho đàn gia súc, gia cầm và giới thiệu 1 số kỹ thuật mới về các loại cây trồng, vật nuôi.

a) Kết quả xây dựng và ban hành các chính sách huy động nguồn lực cho phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới

Để thu hút các nguồn vốn đầu tư cho phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, tỉnh đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách ưu đãi để huy động nguồn lực như: Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 05/5/2016 về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, Nghị quyết số 21/2013/NQ-HĐND ngày 19/7/2013 quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho một số nội dung, công việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2013 - 2020, Quyết định số 1823/QĐ-UBND ngày 16/11/2010 về việc thành lập Ban chỉ đạo chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020,...

b) Kết quả thực hiện chủ trương quy hoạch và bảo vệ đất lúa và đảm bảo lợi ích cho người trồng lúa (Biểu 2, 3a)

Trong giai đoạn 2008 - 2017, diện tích trồng lúa của tỉnh khá ổn định, dao động trong khoảng 11.590 - 12.940 ha, sản lượng lúa có chiều hướng tăng từ 51.580 tấn (năm 2008) lên 74.640 tấn (năm 2017) tăng 23.060 tấn. Năng suất lúa từ 44,5 tạ/ha năm 2008, năm 2017 đạt 57,68 tạ/ha, tăng 29,6%.

c) Kết quả huy động, sử dụng các nguồn lực

Trong giai đoạn 2008 - 2017, tổng số vốn đầu tư toàn xã hội là 66.897,12 tỷ đồng trong đó: vốn toàn xã hội đầu tư vào ngành nông lâm thuỷ sản là 17.548,15 tỷ đồng chiếm 26,23%.

Kết quả huy động nguồn lực đầu tư vào khu vực nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh theo chương trình xây dựng nông thôn mới trong 07 năm qua ước khoảng 59.762,29 tỷ đồng, trong đó: Vốn đầu tư trực tiếp cho Chương trình: 320,059 tỷ đồng *(NSTW 252,038 tỷ đồng, NSĐP 68,021 tỷ đồng)*, chiếm 0,54%. Vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án khác: 5.856,305 tỷ đồng, chiếm 9,8%. Vốn doanh nghiệp, Hợp tác xã: 178,51 tỷ đồng, chiếm 0,3%. Vốn tín dụng: 52.041,83 tỷ đồng *(tín dụng thương mại 51.843,268 tỷ đồng, tín dụng ĐTPT 198,562 tỷ đồng)*, chiếm 87,08%%. Vốn huy động cộng đồng dân cư *(bằng tiền, ngày công, hiến đất đai, tài sản)*: 1.365,586 tỷ, chiếm 2,29%.

Về nguồn vốn vay ngân hàng: Dư nợ cho vay nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh (chưa bao gồm dư nợ cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội) đến 31/3/2018 đạt 14.517 tỷ đồng, tăng 7,4% so với cuối năm 2017 và tăng 29,9% so với cùng kỳ năm ngoái, chiếm tỷ trọng khoảng 64,23%/tổng dư nợ. Bình quân trong 5 năm (2013 - 2018) tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay nông nghiệp, nông thôn là 16,31%/năm. Dư nợ cho vay các loại cây công nghiệp mũi nhọn của tỉnh như cà phê, cao su, tiêu, điều đến 31/3/2018 là 10.816 tỷ đồng (với 86.304 khách hàng), chiếm 74,50% dư nợ cho vay nông nghiệp, nông thôn và chiếm 47,86% tổng dư nợ trên địa bàn. Tính đến 31/12/2017, dư nợ trên địa bàn tất cả các xã trên toàn tỉnh là 11.249 tỷ đồng, chiếm 52,60% tổng dư nợ.

7. Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của các đoàn thể chính trị - xã hội ở nông thôn

Thường xuyên tổ chức quán triệt các chỉ thị, nghị quyết cấp trên đề ra; đảng viên bàn bạc thảo luận một cách dân chủ những vấn đề cần giải quyết và đưa ra quyết định đúng với chủ trương, chính sách của Đảng; qua sinh hoạt thể hiện rõ tính chiến đấu, nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng ưu điểm, nghiêm khắc với những sai lầm, khuyết điểm của mỗi đảng viên, đề ra được biện pháp phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm. Tỉnh đã thực hiện nghiêm túc các chương trình, kế hoạch đề ra và đã mang lại nhiều kết quả tốt. Tính đến nay đã có 71/71 đơn vị xã, phường, thị trấn triển khai áp dụng cơ chế một cửa điện tử tạo thuận lợi cho người dân khi thực hiện các thủ tục hành chính. Hệ thống thư điện tử được triển khai từ cấp tỉnh đến cấp xã trên môi trường mạng. Hiện nay, đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 đối với 36 xã và đang triển khai áp dụng cho 35 xã còn lại. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã trong thời gian qua đã được các cấp, các ngành quan tâm, chỉ đạo thực hiện. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở nông thôn đã đổi mới được phương thức hoạt động, luôn chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận trong nhân dân, chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của đoàn viên, hội viên.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những thành tựu cơ bản

Kinh tế của tỉnh tiếp tục duy trì ở mức tăng trưởng cao, thu ngân sách đạt và vượt kế hoạch, đầu tư phát triển được đẩy mạnh, huy động và giải ngân vốn đầu tư có chuyển biến tích cực. Công nghiệp xây dựng và các ngành dịch vụ phát triển khá. Chất lượng giáo dục, y tế được nâng lên; các hoạt động văn hoá, thể thao được tổ chức đa dạng, rộng khắp, đáp ứng được yêu cầu của nhân dân. Cải cách hành chính, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước các cấp được nâng cao; An ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Từng bước phát triển nông thôn toàn diện, theo hướng hiện đại, áp dụng các quy trình sản xuất tốt có năng suất, chất lượng cao, đảm bảo an toàn thực phẩm. Cơ cấu nông lâm nghiệp, thuỷ sản chuyển dịch đúng hướng, tỷ trọng trồng trọt giảm dần, tỷ trọng chăn nuôi, thuỷ sản tăng mạnh. Nhiều sản phẩm nông nghiệp như: Cà phê, hồ tiêu, sầu riêng, bơ, điều,... đã có nhiều biến đổi rõ nét về số lượng gia tăng và chất lượng an toàn thực phẩm tham gia thị trường trong nước và ngoài nước góp phần phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong thời kỳ hội nhập.

2. Những tồn tại, hạn chế, yếu kém và nguyên nhân

- Về phát triển nông nghiệp: các loại cây trồng có giá trị thấp (cây sắn, cây ngô,...) vẫn còn chiếm tỷ trọng lớn; sản phẩm xuất khẩu hầu hết chưa có thương hiệu, chưa chú trọng đến chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm; trình độ của lực lượng lao động nông nghiệp còn hạn chế, phần lớn chưa qua đào tạo nghề; việc áp dụng công nghệ mới và hình thành các vùng sản xuất tập trung, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao còn gặp nhiều khó khăn do thiếu vốn đầu tư và nguồn lao

động chất lượng cao; hoạt động khuyến nông mới chỉ tập trung trong lĩnh vực nông nghiệp và chỉ hoạt động mạnh trên lĩnh vực chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, chưa đáp ứng được các nhu cầu của các đối tượng nông dân khác nhau. Sản xuất nông nghiệp vẫn còn chưa tuân thủ đề án, quy hoạch, kế hoạch; còn phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên, tự phát, thiếu tính bền vững; giá cả một số hàng nông sản, vật tư phân bón không ổn định; thiên tai, sâu bệnh dịch hại luôn có nguy cơ xảy ra; việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật còn hạn chế, chưa gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Các sản phẩm được sản xuất chủ yếu là sản phẩm thô chưa qua tinh chế, chế biến sâu nên giá trị không cao. Việc xây dựng vùng sản xuất tập trung, cánh đồng lớn gặp nhiều khó khăn do địa hình chia cắt mạnh, manh mún; việc áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất còn nhiều hạn chế do nông dân thiếu vốn đầu tư mua sắm máy móc; trình độ tay nghề sử dụng của người lao động còn thấp; việc các sản phẩm nông sản chưa có thương hiệu, tên tuổi chỉ dẫn địa lý đã gặp rất nhiều khó khăn khi tham gia thị trường, đặc biệt là thị trường xuất khẩu; liên kết 5 nhà trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo chuỗi giá trị thiếu tính bền vững.

- Về xây dựng nông thôn: Vốn đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn chưa cao (chiếm khoảng 26,23% trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội). Việc kêu gọi vốn đầu tư từ các doanh nghiệp, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và các nguồn vốn liên doanh, liên kết khác,... đang gặp nhiều khó khăn bởi tính rủi ro trong nông nghiệp lớn, chưa có sự hợp tác hiệu quả giữa các chủ thể sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp; hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp mặc dù đã được cải thiện nhưng chưa đồng bộ; kinh tế hộ vẫn chiếm tỷ trọng lớn, kinh tế hợp tác vẫn còn là hình thức; vấn đề hợp tác, liên kết sản xuất, gắn với tiêu thụ còn nhiều khâu trung gian làm cho hiệu quả nông nghiệp chưa cao.

- Đời sống vật chất, tinh thần của người nông dân tuy đã được cải thiện đáng kể nhưng nhìn chung vẫn còn ở mức thấp, thu nhập chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp, giá trị gia tăng thấp, tỷ lệ hộ nghèo cao. Nguồn nhân lực xã hội nhất là nguồn nhân lực có chất lượng cao còn rất khó khăn; áp lực dân di cư tự do đến tỉnh chưa giảm,...

Nguyên nhân của hạn chế, tồn tại, yếu kém:

- Nguyên nhân khách quan: Là tỉnh có xuất phát điểm thấp; địa hình chia cắt, đi lại khó khăn, giá cả các mặt hàng nông sản không ổn định làm hạn chế khả năng kêu gọi, thu hút đầu tư; tình hình dân di cư tự do vẫn diễn ra phức tạp, nhiều dự án ổn định dân di cư tự do còn thiếu nguồn vốn thực hiện.

- Nguyên nhân chủ quan: Nhận thức của một số bộ phận người dân còn hạn chế, còn mang nặng tư duy sản xuất nhỏ, trông chờ, ỷ lại, chậm thích nghi với cơ chế mới; lúng túng, bị động và chịu nhiều rủi ro trước tác động của mặt trái cơ chế thị trường. Việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội ở một số ngành, địa phương còn thiếu tính năng động, sáng tạo, đôi khi chưa theo kịp yêu cầu nhiệm vụ đề ra. Việc thực hiện đầu tư hoặc hỗ trợ phát triển sản xuất, áp dụng tiến bộ kỹ thuật công nghệ mới hoặc phát triển nông thôn còn dàn trải, manh mún. Hoạt động xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường chưa được

quan tâm đúng mức. Chính sách về vốn, về tín dụng cho nông nghiệp chưa phù hợp, thiếu tập trung, việc lồng ghép các chương trình còn nhiều hạn chế. Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành và các địa phương chưa chặt chẽ và quyết liệt, chưa có các giải pháp đồng bộ, công tác tuyên truyền chưa sát thực tế. Vai trò của các cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng trong việc triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở một số nơi còn hạn chế.

3. Bài học kinh nghiệm

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trong việc thực hiện Nghị quyết TW7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đã mang lại những kết quả tích cực, sản xuất nông nghiệp phát triển khá toàn diện, đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế chung của tỉnh. Xây dựng kế hoạch hành động phải dựa trên cơ sở vận dụng sáng tạo Nghị quyết và các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước trong phát triển nông nghiệp, nông thôn, gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Bám sát sự lãnh đạo của cấp ủy, điều hành của chính quyền, sự phối hợp của các ban ngành, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở. Công tác tuyên truyền, vận động phải đi đôi với hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất. Coi trọng việc lựa chọn, bố trí, quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm, sự nhiệt tình và năng lực vận động tổ chức hoạt động.

- Thường xuyên tổ chức quán triệt các chỉ thị, nghị quyết cấp trên đề ra; đảng viên bàn bạc thảo luận một cách dân chủ những vấn đề cần giải quyết và đưa ra quyết định đúng đắn với chủ trương, chính sách của Đảng; qua sinh hoạt thể hiện rõ tính chiến đấu, nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng ưu điểm, nghiêm khắc với những sai lầm, khuyết điểm của mọi đảng viên, đề ra được biện pháp phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm.

- Tổ chức thực hiện, nhất là công tác thể chế; chú trọng công tác cán bộ, nhất là đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; phát huy vai trò, trách nhiệm, tâm huyết của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, địa phương, đơn vị trong việc thực hiện Nghị quyết; thường xuyên kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện những tồn tại, khó khăn để giải quyết; sơ kết, tổng kết đánh giá sâu từng vấn đề để rút kinh nghiệm và đề ra giải pháp thực hiện hiệu quả.

- Những địa phương có cả hệ thống chính trị vào cuộc với tinh thần quyết tâm cao thì nông nghiệp, nông dân, nông thôn phát triển toàn diện.

Phần thứ ba
QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VỀ NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN TỚI

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH TRONG NƯỚC VÀ KHU VỰC GIAI ĐOẠN TỚI

1. Bối cảnh trong nước và thế giới

a) Thế giới: thời gian tới, toàn cầu hóa, xu hướng hội nhập tiếp tục là xu thế lớn của kinh tế thế giới với hàng loạt các hiệp định thương mại tự do được các nước ký kết trong đó có Việt Nam tác động đến quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa nông thôn, tạo cơ hội mở rộng thị trường tiêu thụ, áp dụng khoa học kỹ thuật hiện đại, tăng năng suất lao động, tạo thêm nhiều việc làm và thu nhập cho nông dân, nhưng cũng tạo ra nhiều thách thức: mức độ cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp ngày càng gay gắt, nguy cơ ô nhiễm môi trường tăng, lao động nông nghiệp giảm do chuyển sang các hoạt động phi nông nghiệp, nhu cầu về chất lượng lương thực, thực phẩm, nguyên liệu cho công nghiệp chế biến sẽ cao hơn,….

b) Trong nước: Tuy ngành nông nghiệp, nông thôn sản xuất và xuất khẩu ngày càng nhiều các mặt hàng nông sản ra thế giới nhưng đến nay, nông nghiệp, nông thôn nước ta vẫn là lĩnh vực chậm phát triển. Vấn đề liên kết sản xuất gắn với hình thành các Hợp tác xã, tổ hợp tác của nông dân, gắn sản xuất với tiêu thụ hàng hóa nông sản còn nhiều bất cập trong thực tế; sự liên kết 5 nhà vẫn chưa có tiếng nói chung do đó hợp đồng được ký kết giữa nông dân với doanh nghiệp trong việc sản xuất vẫn còn ít, bao tiêu sản phẩm nông nghiệp và hợp đồng thường bị phá vỡ khi thị trường có những biến động bất lợi cho một trong hai phía.

2. Nông nghiệp, nông dân, nông thôn và những xu hướng phát triển

Trước thực trạng trên thì xu hướng liên kết trong sản xuất nông nghiệp tạo ra vùng sản xuất lớn, tập trung là tất yếu để chủ động đầu ra cho sản phẩm, truy nguồn gốc xuất xứ hàng hóa nông sản, xây dựng nền nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; nâng cao giá trị gia tăng. Điều này đòi hỏi người nông dân cần chuyên nghiệp, ngoài tâm huyết, gắn bó với nông nghiệp, biết tổ chức sản xuất thì còn phải chuyên nghiệp trong vấn đề cập nhật thông tin, kiến thức về thị trường, về khoa học công nghệ, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, quan hệ với đối tác của nông dân cả trong nước và quốc tế, có khả năng giao dịch, giữ uy tín và cam kết theo hợp đồng với đối tác,…; nông nghiệp đô thị, nông nghiệp hữu cơ, thân thiện với môi trường ngày càng phát triển, khẳng định chỗ đứng trên thị trường do đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng của người tiêu dùng và phù hợp xu thế chung của thế giới.

II. QUAN ĐIỂM

Phát triển ngành nông nghiệp bền vững đi đôi với vấn đề về an toàn thực phẩm, chú trọng phát triển chế biến sâu đối với sản phẩm nông nghiệp nhằm tăng giá trị sản phẩm nông sản của tỉnh. Đưa công nghệ tiên tiến vào thực tiễn sản xuất

nông sản thực phẩm, tăng cường xây dựng và quảng bá thương hiệu các mặt hàng nông sản đặc trưng nổi trội của tỉnh. Tái cơ cấu nông nghiệp vừa phải theo cơ chế thị trường, vừa phải đảm bảo các mục tiêu cơ bản về phúc lợi cho nông dân và người tiêu dùng; chuyển mạnh từ phát triển theo chiều rộng lấy số lượng làm mục tiêu chuyển đổi sang nâng cao chất lượng, hiệu quả, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; chú trọng đáp ứng các yêu cầu của thị trường và tiêu dùng của xã hội. Phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn phải gắn với sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người dân.

III. MỤC TIÊU

Tăng trưởng kinh tế cao và bền vững, trọng tâm là đột phá vào nông nghiệp công nghệ cao, khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản, phát triển công nghiệp chế biến nông lâm sản; xây dựng đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; phát triển nguồn nhân lực và thu hút đầu tư; đẩy mạnh tiến độ các dự án trọng điểm trên địa bàn; bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội; phát triển đồng bộ sự nghiệp giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa - xã hội, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo; nâng cao đời sống vật chất tinh thần của dân cư nông thôn, tăng hiệu quả sản xuất nông nghiệp; giữ vững ổn định chính trị, trật tự xã hội; tạo nền tảng phát triển vững chắc hơn cho những năm tiếp theo.

1. Mục tiêu tổng quát: Từ nay đến năm 2020, trồng trọt vẫn là ngành quan trọng góp phần tăng thu nhập, tăng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh và đảm bảo an ninh lương thực, nâng cao hiệu quả của ngành trên cơ sở đa dạng hoá ngành hàng sản phẩm, phát huy lợi thế ở từng tiểu vùng; từng bước xây dựng thương hiệu các sản phẩm và chỉ dẫn địa lý các ngành hàng chủ lực có giá trị kinh tế cao như: cà phê, hồ tiêu, sầu riêng, bơ, đậu tương, khoai lang và một số cây dược liệu. Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn, trước hết là hệ thống thuỷ lợi hồ đập vừa và nhỏ đảm bảo nguồn nước tưới chủ động cho toàn bộ diện tích cây công nghiệp; đảm bảo giao thông thông suốt tới các xã, các thôn, bản; cấp điện sinh hoạt cho các khu dân cư, các cơ sở công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn; đảm bảo cơ bản điều kiện học tập chữa bệnh, sinh hoạt văn hoá, thể dục thể thao ở các vùng nông thôn. Hình thành các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với các loại cây trồng, vật nuôi có thế mạnh của tỉnh góp phần xây dựng nền nông nghiệp tỉnh Đắk Nông phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, sản xuất hàng hoá, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh cao; tạo bước đột phá trong tăng trưởng kinh tế ngành, nâng cao thu nhập nhân dân.

2. Mục tiêu cụ thể tới năm 2020 và 2030

- Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng GRDP toàn ngành bình quân từ trên 5%/năm đến năm 2020, từ 4-5%/năm trong giai đoạn 2021 - 2030; tốc độ tăng trưởng GRDP bền vững ở những năm tiếp theo; thu nhập bình quân đầu người đến năm 2020 đạt trên 54 triệu đồng.

- Tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 9%/năm (theo giá so sánh 2010), đến năm 2020 cơ cấu kinh tế (theo giá hiện hành) là: Nông nghiệp 45,5%, Công nghiệp

xây dựng 25,68%, Dịch vụ 28,82%; Dự kiến đến năm 2020, cơ cấu trong ngành nông nghiệp là: trồng trọt chiếm 85,1%; chăn nuôi chiếm 9,9%; dịch vụ nông nghiệp 3,5% và đạt 5,1% đến năm 2030.

- Nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp tăng bình quân 6,2 - 7,7%/năm; trong đó: trồng trọt 5,8 - 7,3%/năm; chăn nuôi 7,6 - 10,4%/năm, dịch vụ nông nghiệp 11,9 - 13,1%/năm; lâm nghiệp 1,7 - 1,9%/năm; thủy sản 17,5 - 18,7%/năm. Bình quân giá trị sản xuất/1ha đất sản xuất nông nghiệp đạt khoảng 140 triệu đồng.

- Đến năm 2020 đảm bảo nước tưới cho 80% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới và đáp ứng được 95% vào năm 2030. Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 90%; phấn đấu đến năm 2020 tỷ lệ độ che phủ rừng đạt 42%, đến năm 2030 đạt trên 45%; trồng mới rừng hàng năm đạt trên 1000 ha.

- Phấn đấu đến năm 2020 nhựa hóa 100% đường huyện, 64% đường tỉnh lộ; 100% bon, buôn, bản, thôn có điện lưới quốc gia; 99% số hộ được dùng điện. Tỷ lệ đô thị hóa chung toàn tỉnh là 30%.

- Đến năm 2020, tỉnh sẽ hình thành 3 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Dự kiến, giá trị sản xuất nông nghiệp công nghệ cao đóng góp từ 7-10% trong giá trị sản xuất nông nghiệp của tỉnh. Đến năm 2025, hình thành và phát triển thêm 20 vùng và đến năm 2030 tăng lên 43 vùng, đồng thời các cơ sở chế biến nông sản được quản lý và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm, 50% cơ sở chế biến nông sản có quy mô lớn được áp dụng Chương trình quản lý chất lượng tiên tiến.

- Đến năm 2020, mỗi ngành hàng chủ lực ở các huyện, thành lập 1 Hợp tác xã/tổ hợp tác làm đại diện để liên kết với các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, cung ứng vật tư, tiêu thụ sản phẩm. Phấn đấu có khoảng 90 - 95% sản phẩm hàng hóa chăn nuôi; 70 - 80% sản phẩm hàng hóa trồng trọt có thể truy xuất được nguồn gốc vào năm 2020.

- Phấn đấu đến năm 2020 có từ 18 xã và 01 huyện trở lên đạt chuẩn nông thôn mới; bình quân mỗi xã đạt từ 15 tiêu chí trở lên. Đến năm 2030 có 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; những năm tiếp theo đảm bảo các xã về đích nông thôn mới ngày càng tăng; 70% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế, trên 82% dân số tham gia bảo hiểm y tế; hằng năm tăng thêm 8 trường đạt chuẩn quốc gia ở các cấp học; 70% dân số trong độ tuổi học Trung học phổ thông.

- Phấn đấu giải quyết việc làm đến năm 2025 là 95.000 người và năm 2030 là trên 100.000 người; tỷ lệ hộ nghèo hàng năm giảm 2% trở lên, trong đó hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số giảm từ 3% và hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 4% trở lên (theo chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020).

- Quốc phòng, an ninh: Giữ vững ổn định chính trị; đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội và đề cao pháp chế xã hội chủ nghĩa. Chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nhận thức về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền sâu rộng nội dung các chủ trương, mục tiêu của Trung ương, địa phương về xây dựng nông thôn như: Nghị quyết số 26-NQ/TW, Quyết định số 800/QĐ-TTg, các chương trình của Chính phủ về xóa đói giảm nghèo để người dân hiểu rõ và tham gia; thường xuyên cập nhật, đưa tin về các mô hình, điển hình tiên tiến, sáng kiến và kinh nghiệm hay về xây dựng nông thôn mới trên các phương tiện thông tin đại chúng để phổ biến và nhân rộng.

- Đổi mới, đa dạng hình thức, phương pháp tuyên truyền: ngoài hình thức tuyên truyền qua phương tiện thông tin đại chính thì cần coi trọng việc phổ biến những cách làm hay, những gương điển hình tiên tiến trong làm ăn kinh tế, phát triển kinh tế gia đình, những mô hình tốt trong phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

- Xây dựng hệ thống lý luận về nông nghiệp, nông dân, nông thôn để có cơ sở vững chắc cho phát triển nông nghiệp hiện đại, xây dựng nông thôn mới và giải quyết những vấn đề nông dân.

2. Đẩy mạnh tái cơ cấu, phát triển nông nghiệp toàn diện, theo hướng hiện đại

- Triển khai 2 Đề án trọng điểm của ngành nông nghiệp là Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp và quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao nhằm mục tiêu tăng năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh và hội nhập quốc tế của các sản phẩm chủ lực.

- Tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn; đẩy mạnh công tác chuyển giao khoa học công nghệ, xây dựng và phát triển các mô hình sản xuất theo Nghị quyết số 04-NQ/TU của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến và thị trường; hỗ trợ xây dựng các mô hình phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị bền vững gắn với quy hoạch phát triển nông nghiệp; tạo môi trường thuận lợi cho các Hợp tác xã nông nghiệp phát triển, thúc đẩy các mô hình Hợp tác xã liên doanh, liên kết có hiệu quả, đặc biệt là phát triển các Hợp tác xã bao gồm cả hoạt động chế biến và buôn bán, lưu thông để việc phân phối thu nhập được công bằng; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật để cho ra sản phẩm có chất lượng và bao tiêu sản phẩm cho nông dân.

- Tổ chức triển khai thực hiện xây dựng Chương trình quốc gia "mỗi xã một sản phẩm" trên địa bàn tỉnh.

3. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn

- Thực hiện tốt các chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư phát triển công nghiệp, thương mại, quan tâm đến phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt là những doanh nghiệp đầu tư ở vùng nông thôn; kịp thời hỗ trợ cho sản xuất, nhất là

ứng dụng máy móc thiết bị, công nghệ mới, tiên tiến vào sản xuất để từng bước tạo ra những sản phẩm có thương hiệu, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước; đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, tìm kiếm thị trường, xúc tiến thương mại,... thông qua các hoạt động khuyến công, xúc tiến thương mại, thương mại điện tử.

- Phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với du lịch; hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng, xây dựng các mô hình du lịch cộng đồng gắn với làng nghề truyền thống và các sản phẩm thủ công truyền thống.

- Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề góp phần tạo động lực phát triển sản xuất, kinh doanh, phát triển đa dạng ngành nghề phi nông nghiệp, tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động ở nông thôn, tăng thu nhập người dân, chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp.

4. Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa, xây dựng nông thôn mới văn minh, hiệu quả

- Ban hành hệ thống Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu - rẫy mẫu và ban hành chính sách để hỗ trợ thực hiện; rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chung và đề án xây dựng nông thôn mới cấp xã để phù hợp với tình hình thực hiện trong giai đoạn mới.

- Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn cán bộ làm công tác nông thôn mới; tiếp tục củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới và bộ máy giúp việc các cấp. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong việc tuyên truyền, vận động, tham gia giám sát, phản biện trong quá trình xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa các công trình hạ tầng thiết yếu ở vùng nông thôn nhằm từng bước đạt chuẩn theo quy định của Bộ tiêu chí và đáp ứng nhu cầu của người dân nông thôn; tăng cường quản lý đầu tư từ ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả đầu tư, giải quyết dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản, tăng cường giám sát, đánh giá đầu tư.

- Chú trọng nâng cao chất lượng y tế, giáo dục, xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao để đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, bài trừ hủ tục, tệ nạn xã hội để nâng cao đời sống tinh thần và an ninh nông thôn, nhân rộng các mô hình về giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, truyền thống tốt đẹp của các huyện, các xã.

5. Đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội nông thôn, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc

- Đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo, thực hiện tốt chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới kết hợp với các chương trình, dự án như khuyến nông, khuyến lâm; hỗ trợ dạy nghề gắn với tạo việc làm trong nông nghiệp, nhân rộng các mô hình giảm nghèo. Huy động doanh nghiệp, vận động sự tài trợ của tổ chức cá nhân để thực thực hiện

mục tiêu giảm nghèo bền vững. Thay đổi phương thức hỗ trợ hộ nghèo để người nghèo thực sự mong muốn và quyết tâm thoát nghèo.

- Đảm bảo an sinh xã hội: Thực hiện các chương trình hỗ trợ nhà ở cho người nghèo và các đối tượng chính sách, xóa nhà tạm ở nông thôn; chương trình sắp xếp, bố trí lại dân cư vùng dân di cư tự do; chương trình khám chữa bệnh cho người nghèo, hỗ trợ thẻ bảo hiểm y tế cho nhân dân vùng khó khăn; chương trình giao khoán quản lý bảo vệ rừng và giao đất giao rừng cho đồng bào dân tộc.

6. Bảo vệ tài nguyên, môi trường, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai

- Lồng ghép trong công tác thanh tra, kiểm tra hướng dẫn các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông, lâm, thủy sản thực hiện bảo vệ môi trường theo quy định.

- Thực hiện các giải pháp tăng cường bảo vệ môi trường ở nông thôn: Rà soát kiểm tra tình hình ô nhiễm môi trường, ban hành danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; ngăn chặn xu hướng suy giảm tài nguyên nước ngọt và tài nguyên rừng, đẩy mạnh trồng rừng tập trung, trồng cây phân tán, tăng độ che phủ rừng; nâng cao chất lượng môi trường không khí ở các đô thị khu vực đông dân cư; cải thiện rõ rệt môi trường làng nghề và khu vực nông thôn.

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; chuyển đổi cơ cấu, giống cây trồng, vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường kiến thức, nâng cao năng lực thích ứng, bảo đảm sinh kế cho người dân những vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, vùng thường xuyên bị tác động của thiên tai; chủ động chuẩn bị các phương án, điều kiện phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai; có phương án chủ động xử lý tình huống xấu nhất ảnh hưởng đến sàn xuất, đời sống của nhân dân và bảo đảm quốc phòng, an ninh; nâng cao năng lực tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ, phòng, chống dịch bệnh; chú trọng chăm sóc sức khoẻ nhân dân trong các vùng bị tác động mạnh của biến đổi khí hậu.

7. Đổi mới cơ chế chính sách và tổ chức sản xuất ở nông thôn thúc đẩy phát triển nông thôn gắn với xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

a) Chính sách về đất đai: Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân đủ điều kiện để họ yên tâm canh tác, đầu tư theo chiều sâu phát triển sản xuất. Khi thu hồi đất thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội cần bảo vệ quyền lợi của người dân bị thu hồi đất để người dân tiếp tục phát triển cuộc sống nơi ở mới; đề xuất chính sách, biện pháp xử lý triệt để các tranh chấp đất giữa doanh nghiệp được giao đất và người dân địa phương, đảm bảo hài hòa quyền lợi và sinh kế cho người dân. Thúc đẩy tích tụ, tập trung đất đai nhằm đẩy nhanh cơ giới hóa các khâu sản xuất, sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn tạo tiền đề cho phát triển kinh tế - xã hội nông thôn.

b) Chính sách về tín dụng: Tăng nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, nhất là đầu tư từ ngân sách Nhà nước và trái phiếu chính phủ; huy động nguồn lực ngoài ngân sách cho phát triển nông nghiệp, nông thôn. Chủ động phối hợp với các tổ chức tín dụng trên địa bàn để tuyên truyền rộng rãi và có các biện pháp giúp người dân tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi của nhà nước; Phát triển đối tác công tư, chuyển dần việc cung cấp một số dịch vụ công sang cho tư nhân, tăng tỷ lệ vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế ngoài nhà nước trong tổng vốn đầu tư vào nông nghiệp nông thôn; xây dựng cơ chế lồng ghép các nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn trên cùng một địa bàn.

8. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất

a) Phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

- Ưu đãi, hỗ trợ đặc biệt các doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, phôi giống có năng suất, chất lượng cao, thích hợp cho sản xuất nông nghiệp hiện đại, sạch; hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ với Hợp tác xã và trang trại;

- Đẩy mạnh hoạt động bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp vay vốn tại các ngân hàng thương mại thông qua bảo lãnh của Ngân hàng Phát triển Việt Nam và các chi nhánh tại các địa phương; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm có uy tín tại các tỉnh, thành phố trong nước và nước ngoài để đẩy mạnh quảng bá sản phẩm có thế mạnh, đặc trưng của tỉnh nhằm giúp các doanh nghiệp tăng cường tìm kiếm đối tác, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm;

- Xây dựng chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao làm việc, hỗ trợ doanh nghiệp thuê chuyên gia tư vấn đầu ngành trong các lĩnh vực công nghệ cao phục vụ cho phát triển tỉnh trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

b) Đổi mới và phát triển kinh tế hợp tác trọng tâm là Hợp tác xã trong nông nghiệp, nông thôn, phát triển các hình thức liên kết

- Ban hành một số chính sách khuyến khích phát triển kinh tế tập thể và thực hiện một số giải pháp mang tính hỗ trợ về kinh tế, để khuyến khích, tạo thuận lợi cho kinh tế hợp tác và Hợp tác xã phát triển. Phát triển mô hình tổ hợp tác giản đơn và các nhóm liên kết cùng sở thích gắn với kinh tế thị trường, là tiền đề để phát triển mô hình Hợp tác xã bền vững. Tiến hành xây dựng các mô hình điểm, tổng kết các mô hình Hợp tác xã nông nghiệp điển hình tiên tiến để phổ biến nhân ra diện rộng; Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hiện tại của các Hợp tác xã, như là một giải pháp quan trọng nâng cao nguồn lực lâu dài cho Hợp tác xã, tăng cường hoạt động kinh doanh có hiệu quả và mở rộng quan hệ liên doanh, liên kết, hợp tác với các thành phần kinh tế khác.

- Tăng cường vai trò quản lý Nhà nước đối với Hợp tác xã. Ngoài ban hành các chính sách tạo hành lang pháp lý để Hợp tác xã hoạt động, chính quyền các cấp cần hỗ trợ giúp đỡ theo hướng lấy Hợp tác xã làm cầu nối giữa Nhà nước với hộ nông dân trong việc tổ chức thực hiện dự án, làm đại lý cung ứng vật tư và thu gom nguyên liệu, phân cấp quản lý rõ ràng cụ thể để thực hiện các chức năng quản

lý có hiệu quả hơn. Tích cực lồng ghép phối hợp các nguồn lực từ các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển Hợp tác xã, tổ hợp tác; mặt khác tiến hành tổng kết, nghiên cứu các mô hình kinh tế hợp tác, để chuyển giao có hiệu quả phong trào xây dựng và phát triển Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh hiện nay. Xây dựng và phát triển các mô hình liên kết gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ nông sản thông qua các hợp đồng kinh tế.

c) Phát triển kinh tế trang trại

- Liên kết giữa các trang trại, nhất là trang trại sản xuất cùng một loại sản phẩm ở vùng sản xuất tập trung, chuyên canh, quy mô lớn như cà phê, tiêu,... hình thành chuỗi từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm. Cấp quyền sử dụng đất, dồn điền đổi thửa cho hộ trang trại nhằm giúp ổn định đầu tư mở rộng sản xuất, thúc đẩy quá trình tập trung đất nhằm phát triển kinh tế trang trại.

- Hỗ trợ trang trại xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa và tham gia các chương trình hội chợ triển lãm. Bên cạnh, tạo điều kiện cho các trang trại được trực tiếp xuất khẩu sản phẩm của họ làm ra và thu mua sản phẩm từ các hộ nông dân, trang trại khác. Xây dựng các mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nhằm tạo ra mối liên kết 5 nhà nhằm đưa nhanh tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, giúp nông dân phát triển sản xuất ổn định, có hiệu quả, đạt năng suất, chất lượng đảm bảo, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới. Xây dựng những mô hình chuyển giao khoa học - công nghệ trong việc chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch.

d) Phát triển kinh tế hộ gia đình, cá thể

- Tổ chức lại sản xuất theo đúng quy hoạch, lựa chọn giống cây, con phù hợp với khí hậu, thổ nhưỡng của vùng, của từng địa phương. Tập trung đầu tư phát triển các cây công nghiệp thế mạnh, lợi thế ở địa phương hình thành cánh đồng lớn để cung cấp cho các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

- Tổ chức liên kết sản xuất giữa các hộ nông dân, dần hình thành các tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, cánh đồng lớn doanh, liên kết với các công ty, doanh nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Đẩy mạnh áp dụng sản xuất theo quy trình sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ (VietGAP, GlobalGAP, Organic) sản xuất ra sản phẩm đảm bảo chất lượng có sức cạnh tranh trên thị trường.

- Tổ chức đào tạo nghề, nâng cao kỹ thuật sản xuất cho nông dân, đẩy mạnh việc áp dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất và thu hái, chế biến và bảo quản sản phẩm. Hỗ trợ xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa, tìm kiếm thị trường ổn định giá cả các mặt hàng nông sản.

9. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho nông dân

a) Giải pháp về giáo dục

Củng cố và nâng cao năng lực cho các cơ sở dạy nghề và giáo viên, cán bộ quản lý làm công tác đào tạo nghề nông nghiệp bằng cách bồi dưỡng nghiệp vụ sư

phạm và kỹ năng dạy nghề cho đội ngũ giáo viên ở các cơ sở dạy nghề; củng cố, tăng cường cơ sở vật chất và nguồn lực cho các cơ sở đào tạo nghề nông nghiệp đáp ứng được yêu cầu điều kiện đào tạo các nghề nông nghiệp công nghệ cao, an toàn thực phẩm. Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn.

b) Giải pháp về tạo việc làm cho lao động nông thôn

- Điều tra, khảo sát những phát sinh về cung cầu lao động, xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin thị trường lao động của tỉnh. Tạo điều kiện cho những người thất nghiệp, thiếu việc làm tiếp cận được với hệ thống thông tin thị trường lao động để họ đăng ký tìm việc làm. Thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ tư vấn, giới thiệu việc làm, cung ứng lao động, giúp cho học sinh, sinh viên tốt nghiệp ra trường có được việc làm ổn định, đặc biệt chú ý quan tâm đến lao động là đối tượng chính sách có công, chính sách xã hội.

- Ưu tiên phân bổ kinh phí cho các cơ sở dạy nghề mở các ngành nghề gắn với giải quyết việc làm, dạy nghề có địa chỉ, có việc làm sau khi tốt nghiệp. Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo đồng bộ cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

- Đẩy mạnh công tác xuất khẩu lao động, hỗ trợ phát triển thị trường lao động. Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm nhanh lao động nông nghiệp sang các lĩnh vực phi nông nghiệp, lao động vào làm việc ở các doanh nghiệp. Tiếp tục thực hiện Chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn nhất là lực lượng lao động trẻ, gắn với nhu cầu nhân lực phát triển kinh tế - xã hội địa phương; giải quyết việc làm sau đào tạo, đa dạng hóa ngành nghề, du nhập các nghề mới.

10. Phát triển khoa học công nghệ

- Tuyên truyền đến cán bộ, người dân về vai trò, vị trí của khoa học và công nghệ trong đời sống; lựa chọn công nghệ, thiết bị phù hợp để đưa vào áp dụng.

- Tăng cường công tác khuyến nông, chuyển giao khoa học công nghệ: tập huấn cho các doanh nghiệp, cá nhân về các quy định, tiêu chuẩn sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP,...; hoàn thiện quy trình kỹ thuật canh tác, nuôi trồng đối với từng cây trồng, vật nuôi, thủy sản thuộc đối tượng ưu tiên sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao.

- Xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đồng bộ theo đối tượng ưu tiên về công nghệ, cây trồng, vật nuôi, khả năng nhân rộng trong sản xuất và thị trường tiêu thụ theo chiều sâu và liên kết các chuỗi giá trị sản phẩm. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý hoa học và công nghệ, đội ngũ cán bộ nghiên cứu và ứng dụng trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Ứng dụng các kỹ thuật hiện đại trong công nghệ sinh học để chọn tạo và nhân giống cây trồng vật nuôi; sử dụng rộng rãi, hợp lý các chất kích thích sinh trưởng, các loại phân bón sinh học, các chất bảo vệ thực vật; công nghệ bảo quản

sau thu hoạch, công nghệ chế biến các sản phẩm nông - lâm sản; công nghệ sinh học xử lý chất thải và bảo vệ môi trường.

11. Chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế

- Phối hợp triển khai các quy định của quốc tế về hội nhập WTO, đồng thời phổ biến những cam kết của Chính phủ đối với quốc tế khi đất nước hội nhập vào WTO đến toàn thể nhân dân. Triển khai áp dụng các quy định về quy chuẩn, tiêu chuẩn do các cơ quan Trung ương ban hành nhằm đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng nông sản chủ lực của tỉnh ra thế giới.

- Tăng cường công tác đào tạo, trao đổi kinh nghiệm cho lao động và người học nghề trên địa bàn tỉnh nắm bắt về phát triển các sản phẩm nông nghiệp, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm nông sản Việt Nam. Tăng cường công tác giới thiệu, quảng bá các mặt hàng nông sản của Việt Nam ra thế giới.

12. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước; đổi mới phương thức quản lý, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp

- Tiếp tục kiện toàn hệ thống tổ chức, đảm bảo chỉ đạo thống nhất từ tỉnh đến cơ sở, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát cơ sở để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; chấn chỉnh những đơn vị thực hiện chưa tốt, không hoàn thành nhiệm vụ; thường xuyên làm tốt công tác thi đua khen thưởng; sơ kết, tổng kết từ xã đến huyện để biểu dương, khen thưởng và tuyên truyền nhân rộng. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo hướng tinh gọn, minh bạch, công khai, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước. Đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở nông thôn, hướng vào phục vụ dân, sát dân, vận động nhân dân tích cực phát triển sản xuất, kinh doanh, xóa đói, giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới.

- Cấp ủy, chính quyền các cấp xác định rõ vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị với phương châm quyết liệt, kiên trì, liên tục; đẩy mạnh thực hiện các phong trào thi đua yêu nước trong sản xuất nông nghiệp.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Kính đề nghị Trung ương cần tiếp tục ban hành các nghị quyết chuyên đề về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên cơ sở tổng kết thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khoá X. Thường xuyên chỉ đạo thực hiện Nghị quyết và tháo gỡ kịp thời những vướng mắc, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ hơn trong nông nghiệp, nông thôn và nâng cao đời sống nhân dân.

- Chính phủ tiếp tục ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi nhằm khuyến khích các doanh nghiệp, các tổ chức cá nhân đầu tư vào Chương trình xây dựng nông

thôn mới. Hỗ trợ và nhân rộng về các mô hình kinh tế đạt hiệu quả cao. Có cơ chế, chính sách để các tập đoàn, doanh nghiệp, nhà máy chế biến nông sản gắn với vùng nguyên liệu tham gia tiêu thụ sản phẩm để giúp tỉnh triển khai thực hiện thành công đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, đề án quy hoạch vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030 và định hướng đến năm 2035.

- Đề nghị Trung ương, các bộ, ngành hỗ trợ đầu tư chuyển giao ứng dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn cho địa phương thông qua các chương trình, dự án phát triển nông thôn miền núi.

- Ban hành những quy định cụ thể để triển khai xây dựng mối liên kết năm nhà, trong đó, Hợp tác xã giữ vai trò trung gian, đại diện cho những người sản xuất là các hộ gia đình cá thể. Khuyến khích hình thức hợp tác giữa nhà sản xuất với nhà khoa học thông qua đơn đặt hàng và nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện chuyển giao khoa học kỹ thuật.

- Đề nghị Chính phủ sớm ban hành chính sách bảo hiểm trong nông nghiệp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho ngân hàng và doanh nghiệp yên tâm trong việc triển khai dự án liên kết, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, đặc biệt chính sách đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực.

- Xem xét cơ chế lồng ghép vốn của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo để tránh chồng chéo, lãng phí, bảo đảm triển khai hoạt động có hiệu quả. Trong quá trình thực hiện cần có quy chế phối hợp, phân công chức năng nhiệm vụ rõ của các bộ, ngành, từ trung ương đến địa phương.

- Tiếp tục thực hiện giảm dần các chính sách hỗ trợ trực tiếp mang tính trợ cấp, sang hình thức tăng các chính sách hỗ trợ gián tiếp để khuyến khích tính chủ động vươn lên của người nghèo; có chính sách hỗ trợ hộ mới thoát nghèo, hộ cận nghèo về y tế, giáo dục để đảm bảo giảm nghèo bền vững.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

TỈNH ỦY ĐẮK NÔNG

Lê Diễn

Nơi nhận:
- Ban Chỉ đạo Trung ương,
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Đ/c Phạm Lê Tuấn - Thứ trưởng Bộ Y tế,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- BCS đảng UBND tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy (TH-LKT).

(b/c)